

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Măng Đen giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Ủy ban nhân dân xã Măng Đen ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát: Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, tuần hoàn, đa giá trị; giảm nghèo đa chiều bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, du lịch và bản sắc văn hóa của địa phương, từng bước xây dựng Măng Đen trở thành vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, vùng cà phê đặc sản, vùng dược liệu và du lịch sinh thái đặc trưng của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu xã Măng Đen hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 95 triệu đồng/người/năm.

- Phấn đấu đến cuối năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của xã còn 0%.

- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, phấn đấu 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

- Phấn đấu phát triển từ 10 - 15 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, ưu tiên các sản phẩm gắn với cà phê, dược liệu, nông sản đặc trưng và du lịch cộng đồng.

- Phát triển kinh tế tập thể, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; mở rộng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Tăng tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; xây dựng các mô hình nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn xã; ưu tiên thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng thụ hưởng: Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn xã; trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo*), thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Thời gian thực hiện: Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn xã (*Gồm 10 nội dung thành phần và 52 nội dung cụ thể, thực hiện trên phạm vi xã Măng Đen; chỉ thực hiện tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với những nội dung Hợp phần thứ hai không quy định, nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình*)

1.1. Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững (*gồm 02 nội dung cụ thể*).

1.1.1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 01 về Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới (*sau đây viết tắt là NTM*) giai đoạn 2026 - 2030 theo đặc thù xã (*sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã*).

1.1.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc

b) Nội dung 02: Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng NTM trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu tỉnh về quy hoạch và được cung cấp, chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

1.1.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện: Phòng Kinh tế xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 01, 02.

1.2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (*gồm 14 nội dung cụ thể*).

1.2.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 02 về Hạ tầng kinh tế xã hội; nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn; nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế; nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội; nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số; nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.

b) Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*sau đây viết tắt là vùng đồng bào DTTS và MN*):

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;
- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông;
- 100% thôn có đường trục chính được cứng hoá;
- 100% thôn có đường ô tô kết nối với trung tâm xã hoặc các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa hoặc bê tông bảo đảm đi lại quanh năm;
- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp;
- 100% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 20% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn;
- 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;
- Từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ internet, hạ tầng số của người dân vùng đồng bào DTTS và MN, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

1.2.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chuẩn tiệm cận đô thị, bảo đảm kết nối vùng (*bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông*) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Chú trọng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng gắn với công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Nâng cao năng lực quản lý, khai thác, bảo vệ đảm bảo an toàn công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

c) Nội dung 03: Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai. Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai (*hệ thống cảnh báo sớm, trang thiết bị thiết yếu,...*); củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại các thôn; đẩy mạnh truyền thông, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn kỹ năng ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, ưu tiên các vùng trọng điểm xung yếu, khu vực có nguy cơ sạt lở cao, các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

d) Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (*điện mặt trời, điện gió...*) phù hợp điều kiện địa bàn, khu vực, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

đ) Nội dung 05: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, thư viện cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa, đáp ứng yêu cầu học tập cơ bản. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn. Ưu tiên bố trí nguồn vốn, quỹ đất dành cho giáo dục, đầu tư xây dựng dự án trường học nhằm đáp ứng quy mô dân số độ tuổi đi học, đảm bảo các tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa.

g) Nội dung 07: Phát triển cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung; hạ tầng trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại vùng sản xuất hàng hóa tập trung từng bước hiện đại, đồng bộ với quy hoạch sản xuất; đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất của địa phương.

h) Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn. Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông thông minh. Duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

i) Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (*bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn*). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

k) Nội dung 10: Phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô xã hoặc liên thôn theo hướng hiện đại, bền vững; trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN. Tăng cường công tác quản lý vận hành, bảo trì công trình; thực hiện kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước sạch, đảm bảo tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

l) Nội dung 11: Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải; thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, hoàn thiện hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn, nước thải hộ gia đình và cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường. Phát triển hạ tầng thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong thu gom, xử lý, tái chế chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

m) Nội dung 12: Thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

n) Nội dung 13: Hỗ trợ cải thiện nhà ở dân cư nông thôn theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đối tượng chính sách, các hộ dân sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

o) Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.

1.2.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Kinh tế xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung: 01, 02, 03, 04, 06, 07, 10, 11, 12, 13, 14.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 05, 08, 09.

1.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (*gồm 10 nội dung cụ thể*).

1.3.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn; nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội; nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.

b) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh và nâng cao thu nhập bền vững; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS và MN so với bình quân chung của cả tỉnh, cải thiện rõ rệt đời sống Nhân dân, gắn với thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường vai trò của phụ

nữ trong phát triển kinh tế nông thôn.

c) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa.

1.3.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc.

b) Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội, tổ chức ngành, nghề để sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ củng cố, phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất theo ngành hàng; khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng biến đổi khí hậu.

Có các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, gắn với tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng liên kết, trong đó hợp tác xã giữ vai trò kết nối với doanh nghiệp, hệ thống phân phối, siêu thị, chợ đầu mối và sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị hiệu quả, bền vững; hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân xây dựng phương án sản xuất kinh doanh theo chuỗi, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, vùng nuôi; nâng cao năng lực quản trị, điều hành, đàm phán và thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP của hợp tác xã thông qua hội chợ, triển lãm, tuần lễ nông sản; hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì, tem nhãn.

Chú trọng nâng cao năng lực hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã tại khu vực nông thôn, các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; thúc đẩy phát triển hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ. Đồng thời, tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp,

nông thôn.

c) Nội dung 03: Hỗ trợ xây dựng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - tiêu thụ sản phẩm bền vững. Ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu. Triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi; ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng trồng, vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc đối với lương thực thực phẩm.

d) Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng nâng cao chất lượng, phát huy tính đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy phát triển sản phẩm OCOP xanh; tập trung hỗ trợ các chủ thể là hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn khu vực nông thôn, địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN; ưu tiên các chủ thể có sản phẩm tiềm năng, sản phẩm chủ lực của địa phương; khuyến khích sự tham gia của phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật trong phát triển sản phẩm OCOP.

đ) Nội dung 05: Đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn, đồng thời tăng cường các hoạt động bảo tồn phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, gắn với phát triển du lịch, chuyển đổi số, gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm. Nâng tầm thương hiệu cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn, sản phẩm làng nghề gắn với mở rộng thị trường, liên kết tiêu thụ sản phẩm, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội và văn hóa của địa phương. Tăng cường ứng dụng các nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các giải pháp công nghệ sản xuất nhằm bảo vệ môi trường góp phần phát triển bền vững các làng nghề, các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn; hỗ trợ cơ giới hóa và máy móc thiết bị trong sản xuất làng nghề và ngành nghề nông thôn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

e) Nội dung 06: Phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch sinh thái, cộng đồng và trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và giá trị văn hóa địa phương. Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái đặc trưng của xã gắn với khu vực nông thôn; đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong phát triển sản phẩm du lịch; xây dựng thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh. Ưu tiên hỗ trợ các địa bàn có tiềm năng về tài nguyên, hạ tầng và sản phẩm đặc trưng để phát triển - du lịch, góp phần tạo sinh kế bền vững cho người dân.

f) Nội dung 07: Đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu, hỗ trợ tiêu thụ nông sản thông qua các kênh phân phối hiện đại và trên sàn thương mại điện tử.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn. Ưu tiên thực hiện các giải pháp tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển đa dạng ngành nghề phi nông nghiệp.

g) Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng.

h) Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân dần hình thành tư duy sản xuất kinh tế hàng hóa lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; có kiến thức và kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

k) Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp; tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn, hoà nhập vào chuỗi giá trị mới.

1.3.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Phòng Kinh tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung: 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10.

b) Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - xã hội hướng dẫn, thực hiện nội dung 06.

1.4. Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững (*gồm 05 nội dung cụ thể*)

1.4.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn; nhóm tiêu chí số 04 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; nhóm tiêu chí số 05 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế; nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.

b) Đối với vùng đồng bào DTTS và MN:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

- Có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ.

1.4.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho người dân vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS và MN. Triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập và học tập suốt đời, trong đó, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và người dân vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Nội dung 02: Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng về khoa học và công nghệ, góp phần phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và nâng cao kỹ năng nghề, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao chất lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, nông dân số, có tri thức, tay nghề cao, đội ngũ quản trị hợp tác xã theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có trình độ, kỹ năng, đáp ứng yêu cầu tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

c) Nội dung 03: Đầu tư xây mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục, tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư trên địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn. Phát triển giáo dục nghề nghiệp; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động vùng đồng bào DTTS và MN, lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị. Tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

d) Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp xã, tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong và ngoài xã. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi. Xây dựng và triển khai các chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao về làm việc tại khu vực nông thôn, từng bước nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực và năng lực tham gia các chuỗi giá trị mới.

đ) Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn xã (*nhất là tại các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN*) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, làm việc tại các nước có quan hệ đối tác kinh tế theo hiệp định ký kết.

1.4.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Văn hoá - xã hội chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 03, 04, 05.

b) Phòng Kinh tế chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

1.5. Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (*gồm 04 nội dung cụ thể*)

1.5.1. Mục tiêu

a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội; nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công; nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.

b) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương và quy định của pháp luật.

c) Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS và đặc thù vùng đồng bào DTTS và MN.

d) Nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng về trợ giúp pháp lý, phổ biến giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để người dân được biết và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững.

1.5.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

c) Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng

cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các địa bàn còn khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản, để cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

d) Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội khu vực địa bàn còn khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.

1.5.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

- a) Phòng Văn hoá - xã hội chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.
- b) Trung tâm phục vụ hành chính công xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.
- c) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.
- d) Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

1.6. Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn (gồm 02 nội dung cụ thể).

1.6.1. Mục tiêu

- a) Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 07 về Khoa học, công nghệ và Chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.
- b) Nâng cao năng lực, nhận thức về kiến thức số, chuyển đổi số đối với cộng đồng dân cư, đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư, đồng bào DTTS chủ động tiếp cận với các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ an sinh xã hội.

1.6.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tổ chức đặt hàng, triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Nội dung 02: Đẩy mạnh chuyển đổi số, hỗ trợ chuyên gia tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ phục vụ đời sống, phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; hỗ trợ phát triển và nhân rộng các mô hình “thôn thông minh”.

1.6.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

1.7. Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (*gồm 04 nội dung cụ thể*).

1.7.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội; nhóm tiêu chí số 08 về Môi trường và cảnh quan nông thôn thuộc Bộ tiêu chí về xã NTM theo đặc thù xã.

1.7.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, cụm dân cư, hộ gia đình; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS và MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình. Nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, phong trào “xã xanh - sạch - đẹp” tại cộng đồng khu dân cư.

b) Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

c) Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”.

d) Nội dung 04: Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm.

1.7.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

- a) Phòng Kinh tế chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 02, 03.
- b) Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội xã hướng dẫn, thực hiện, nội dung 04.

1.8. Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (*gồm 05 nội dung cụ thể*).

1.8.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu một số tiêu chí của nhóm tiêu chí số 03 về Phát triển kinh tế nông thôn, nhóm tiêu chí số 06 về Giảm nghèo và An sinh xã hội, nhóm tiêu chí số 09 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM theo đặc thù xã.

1.8.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ thực chất của nông dân theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; tạo điều kiện để người dân tham gia sâu vào quá trình xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế địa bàn còn khó khăn. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế địa bàn khó khăn; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình;

b) Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”.

c) Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

d) Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

đ) Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”.

1.8.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Hội Nông dân xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03, 04.

d) Đoàn TNCS HCM xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 05.

1.9. Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội (gồm 02 nội dung cụ thể)

1.9.1. Mục tiêu

Đạt yêu cầu các tiêu chí của nhóm tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM các cấp theo đặc thù xã.

1.9.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

b) Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.

1.9.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Ban chỉ huy Quân sự xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Công an xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

1.10. Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám

sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN (gồm 04 nội dung cụ thể).

1.10.1. Mục tiêu

a) Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả quản trị Chương trình ở tất cả các cấp; bảo đảm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, khách quan, minh bạch, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, đồng bộ, kết nối liên thông từ Trung ương đến xã.

b) Ban hành Chương trình và tài liệu tập huấn và sát hợp thực tiễn tại địa phương.

c) 100% cán bộ cấp xã, thôn tham gia thực hiện Chương trình được tập huấn ít nhất 01 chuyên đề chuyên sâu/năm về quản lý, điều hành, giám sát, đánh giá Chương trình MTQG.

d) 100% trưởng thôn, thành viên Ban Phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng được tập huấn về quy trình tham gia thực hiện Chương trình, giám sát đầu tư, truyền thông và huy động cộng đồng.

đ) Tổ chức định kỳ các khóa tập huấn trực tiếp, đào tạo tại chỗ cho người dân nông thôn về các nội dung của Chương trình; tư duy phát triển nông thôn hiện đại, kinh tế đa giá trị, tự chủ sinh kế và quản trị cộng đồng.

e) Đổi mới toàn diện công tác truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng và tương tác hai chiều, bảo đảm truyền tải chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện Chương trình.

f) Tăng cường năng lực của hệ thống truyền thông các cấp, hình thành mạng lưới thông tin thống nhất từ trung ương đến cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và huy động sự tham gia chủ động của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng trong thực hiện Chương trình.

h) Tổ chức thực hiện sâu rộng, thiết thực, hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên phạm vi toàn xã, bảo đảm tính lan tỏa, bền vững, có trọng tâm, trọng điểm.

1.10.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm.

b) Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và MN.

c) Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN.

d) Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN”, các phong trào chung tay phát triển kinh tế xã hội do Thủ tướng Chính phủ phát động.

1.10.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - xã hội hướng dẫn, thực hiện nội dung 01, 02, 03.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*Gồm 05 nội dung thành phần và 19 nội dung cụ thể; thực hiện trên phạm vi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chỉ thực hiện ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đối với những nội dung mang tính đặc thù của ngành công tác dân tộc và không quy định trong Hợp phần thứ nhất*).

2.1. Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*gồm 04 nội dung cụ thể*).

2.1.1. Mục tiêu

a) Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS di cư không theo kế hoạch; hoàn thành quy hoạch đất ở, cơ bản di dời, bố trí ổn định nhà ở, đất ở cho hộ đồng bào DTTS đang cư trú phân tán, rải rác tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở.

b) Bảo đảm xã có đồng đồng bào dân tộc thiểu số được đầu tư các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để dạy và học.

c) Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

d) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

2.1.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Đầu tư xây dựng mới; đầu tư cải tạo, nâng cấp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho: Các cơ sở giáo dục mầm non; các trường phổ thông; các trường phổ thông dân tộc bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở (*ưu tiên đầu tư các hạng mục: đầu tư xây dựng, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở*

vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp công trình phụ trợ khác; đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục, phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo).

b) Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS và MN; phục hồi, bảo tồn thôn, làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng; tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; xây dựng mô hình sinh thái vùng đồng bào DTTS; bảo tồn không gian văn hóa thôn, làng truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

c) Nội dung 05: Hỗ trợ thiết lập, duy trì các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự.

d) Nội dung 06: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS và MN, bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các hộ trong diện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ đất sản xuất đối với đối tượng thay đổi chỗ ở khi bố trí quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư; hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm xã, thôn có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học; đầu tư xây dựng nhà hỏa táng, quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung vùng đồng bào DTTS.

2.1.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, phối hợp hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 04, 05.

c) Phòng Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 06.

2.2. Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*gồm 06 nội dung cụ thể*)

2.2.1. Mục tiêu

a) Phần đầu tăng thu nhập bình quân của người DTTS bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

b) Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm bình quân khoảng 2%/năm, Phần đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo (*trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động*).

c) Góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng dần tỷ lệ các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ; hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

d) Phần đầu có 40% lao động người DTTS biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

đ) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS biết làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa;

e) Phần đầu 50% các loại hình di sản văn hóa truyền thống tiêu biểu được bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị trong cộng đồng; có cán bộ văn hoá thông tin được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

g) 100% đối tượng thụ hưởng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định được vay vốn tín dụng chính sách xã hội.

2.2.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý, dược liệu có giá trị kinh tế vùng đồng bào DTTS và MN;

b) Nội dung 02: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân;

c) Nội dung 03: Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN.

d) Nội dung 04: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn kết với dân bản vùng đồng bào DTTS và MN;

đ) Nội dung 05: Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS và MN;

e) Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

2.2.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Phòng Kinh tế xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.

d) Ban Chỉ huy Quân sự xã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hoá - Xã hội xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

đ) Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã hướng dẫn, thực hiện nội dung số 05.

e) Phòng Văn hoá - Xã hội xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 06.

2.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực trong đồng bào

dân tộc thiểu số (gồm 04 nội dung cụ thể).

2.3.1. Mục tiêu

a) Nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ ở các cấp triển khai thực hiện hợp phần thứ hai của Chương trình ở vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

c) Hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS và MN.

2.3.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông vùng đồng bào DTTS và MN về chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông; nâng cao năng lực thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù;

b) Nội dung 02: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức;

c) Nội dung 03: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS và MN; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết;

d) Nội dung 04: Các hoạt động đặc thù thuộc nội dung của Chương trình cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở khu vực vùng đồng bào DTTS và MN có hoàn cảnh khó khăn và các em là người DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ.

2.3.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì phối hợp với Ban xây dựng Đảng hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xã chủ trì phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội xã, trạm y tế hướng dẫn, thực hiện nội dung thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết vùng đồng bào DTTS và MN thuộc nội dung 03.

d) Ban Chỉ huy Quân sự xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

2.4. Nội dung thành phần 04: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (*gồm 01 nội dung cụ thể*)

2.4.1. Mục tiêu

- Phần đầu giảm 50% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn so với thời điểm năm 2024;
- Phần đầu tăng 30% tỷ lệ người lao động các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn biết nghề, sống bằng nghề được đào tạo.

2.4.2. Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trong phạm vi toàn tỉnh.

2.4.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Phòng Văn hóa - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

2.5. Nội dung thành phần 05. Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*gồm 04 nội dung cụ thể*)

2.5.1. Mục tiêu

a) Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và MN. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS và MN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn.

c) Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS và MN, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

d) Nâng cao năng lực, nhận thức của đồng bào DTTS trong ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao giá trị cuộc sống và hiệu quả lao động sản xuất.

đ) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của vùng đồng bào DTTS và MN, giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật; giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước để được tăng cường khả năng, cơ hội phát triển sinh kế bền vững và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

2.5.2. Nội dung thực hiện

a) Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, đồng bào DTTS và người dân sinh sống trên địa bàn.

b) Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS và MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước vùng đồng bào DTTS và MN.

c) Nội dung 03: Xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS và MN, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (*theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030*);

d) Nội dung 04: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS và MN. Ưu tiên hiện đại hóa hệ thống thông tin, tuyên truyền, thông tin đối ngoại để đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại, cung cấp nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, lâu dài, có giá trị lan tỏa, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của Nhân dân vùng đồng bào DTTS và MN.

2.5.3. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn, thực hiện

a) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 01.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hướng dẫn, thực hiện nội dung 02.

c) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, hướng dẫn, thực hiện nội dung 03.

d) Phòng Văn hoá - Xã hội xã chủ trì, phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công hướng dẫn, thực hiện nội dung 04.

IV. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng ngân sách nhà nước bố trí cho chương trình: 118.750 triệu đồng, cụ thể:

- Vốn ngân sách Trung ương: 45.095 triệu đồng;
- Vốn ngân sách tỉnh: 42.755 triệu đồng;
- Vốn ngân sách xã: 30.901 triệu đồng.

2. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện Chương trình, bao gồm nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án,

chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; nguồn vốn tín dụng chính sách, tín dụng thương mại và các nguồn vốn vay hợp pháp; nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh; nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và thực hiện đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính hai cấp (tỉnh, xã).

2. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân. Làm rõ vai trò chủ thể của người dân trong tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình; trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu. Gắn công tác tuyên truyền với đào tạo, tập huấn cán bộ, nhân rộng các mô hình, điển hình thực tiễn; đẩy mạnh ứng dụng truyền thông số nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia tự giác của cộng đồng.

3. Nghiên cứu, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, không làm phát sinh đầu mối quản lý nhà nước và không làm tăng biên chế.

4. Tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng chuyển trọng tâm từ mở rộng phạm vi, số lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới; giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN.

5. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị, bền vững; hướng dẫn, hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp/du lịch sinh thái/du lịch cộng đồng đặc sắc, gắn với thế mạnh của từng địa phương, vùng miền theo hướng xanh, bền vững; khuyến khích chuyển đổi số phù hợp với quy định, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, bền vững.

6. Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các nội dung của Chương trình. Doanh nghiệp cần được tạo môi trường thuận lợi để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và giám sát thực hiện Chương trình; xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo thời gian thực, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của địa phương.

7. Tăng cường quản lý, định hướng phát triển khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa tại các khu vực xung quanh trung tâm xã; bảo đảm sự đồng bộ giữa xây dựng nông thôn mới với quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng giao thông, môi trường và an sinh xã hội.

8. Tập trung thực hiện giảm nghèo bền vững, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo; rà soát, đảm bảo không bỏ sót đối tượng, thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tăng cường tín dụng chính sách, hỗ trợ sinh kế, việc làm; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; hạn chế tái nghèo, từng bước cải thiện đời sống Nhân dân.

9. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm đầy đủ, kịp thời theo quy định; bố trí đủ ngân sách địa phương, huy động tối đa nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình; rà soát, phân kỳ đầu tư, ưu tiên đầu tư tập trung, tránh dàn trải, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản; bảo đảm tính kế thừa, phát huy hiệu quả đầu tư giai đoạn trước. Ưu tiên bố trí vốn tín dụng chính sách xã hội từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình. Khuyến khích các thôn có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các thôn khó khăn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

10. Triển khai hợp tác quốc tế theo hướng có trọng tâm, đóng vai trò bổ trợ nguồn lực và nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình. Ưu tiên tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi quy mô phù hợp; chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, nhất là ở cấp cơ sở.

11. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình; thực hiện tốt các nội dung đã được phân cấp, trao quyền cho cấp xã và cộng đồng dân cư gắn với cơ chế giám sát, đánh giá minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý Chương trình. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã trong giám sát, phản biện xã hội và lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân. Thực hiện khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân làm tốt; đồng thời chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí, vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Trách nhiệm của các Phòng, ban liên quan

a) Phòng Kinh tế xã

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, thôn triển khai các nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế tập thể, OCOP, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương, bảo vệ môi trường và các nội dung thuộc lĩnh vực được phân công.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp nhu cầu, đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án, mô hình và nhu cầu nguồn lực thực hiện Chương trình; tham mưu lồng ghép các nguồn vốn, chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các mô hình phát triển sản xuất, hỗ trợ sinh kế, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp, phát triển chuỗi giá trị, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và phát triển sản phẩm OCOP.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện; tổng hợp kết quả, khó khăn, vướng mắc và tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Phòng Văn hoá - Xã hội xã

- Chủ trì Hợp phần thứ hai; phối hợp với Phòng Kinh tế xã, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến vùng đồng bào DTTS và MN theo phân công.

- Chủ trì, đề xuất xây dựng các chính sách đặc thù phù hợp với tình hình đời sống, kinh tế - xã hội của vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân xã nội dung thành phần, thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm, giai đoạn 5 năm dự kiến giao cho từng cơ quan, đơn vị đối với nội dung của Chương trình có liên quan phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN, gửi Phòng Kinh tế xã tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định giao các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Chương trình có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình MTQG phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 để hỗ trợ các cơ quan, đơn vị hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển văn hóa cơ sở góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

- Chủ trì, hướng dẫn triển khai Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035 góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

c) Trạm y tế xã

Chủ trì, hướng dẫn triển khai các nội dung thành phần thuộc Chương trình theo phân công. Triển khai Chương trình MTQG về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 để hỗ trợ các cơ quan, đơn vị hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về phát triển y tế cơ sở, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

d) Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Kon Plông

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện vốn ủy thác để thực hiện cho vay ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn xã Măng Đen. Thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách xã ủy thác đúng quy định.

- Rà soát nhu cầu vay vốn đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, kịp thời giải quyết hồ sơ vay, đáp ứng nhu cầu vay vốn chính đáng của hộ.

đ) Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã:

Phối hợp với Phòng văn hoá - Xã hội xã và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung chương trình được giao. Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của xã về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2026 - 2030; tuyên truyền về các mô hình, điển hình tiên tiến, những sáng kiến, kinh nghiệm hay trong thực hiện Chương trình.

e) Các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hoá - Xã hội xã tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung thành phần, nội dung cụ thể của Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án theo phân công vào chương trình công tác của đơn vị.

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị xã hội xã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo lĩnh vực được phân công phụ trách, chủ động phối hợp với Phòng Kinh tế xã triển khai thực hiện theo hướng dẫn liên quan việc thực hiện chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, thực hiện hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của ngành và chỉ tiêu giảm các chiều, chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn xã.

f) Các thôn trên địa bàn xã

Căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã, tổ chức họp dân để tuyên truyền, triển khai các nội dung của Chương trình. Vận động Nhân dân tham gia đóng góp ngày công thực hiện các nội dung Chương trình, chỉnh trang nhà cửa, vệ sinh đường làng ngõ xóm, phát triển sản xuất nâng cao thu nhập. Thực hiện

tốt công tác quản lý, giám sát cộng đồng đối với các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn; đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể chính trị - xã hội xã

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công; chủ động, tích cực tham gia vào thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo phân công; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chương trình; tiếp tục thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và xây dựng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”.

Ủy ban nhân dân xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, các ngành đoàn thể, tập trung triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, đúng tiến độ, phù hợp tình hình thực tiễn; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện, các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền gửi Phòng Kinh tế xã để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, Các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Ban CHQS xã;
- Công an xã;
- PGD Ngân hàng CSXH Kon Plông;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Nhật Trường